

Bản án số: 91/2019/HSST
Ngày: 29/8/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Hằng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Hải

2. Ông Lã Văn Luật

Thư ký phiên tòa: Ông Lục Đức Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Mạnh Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2018/HSST ngày 25 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 142/2019/QĐXXST- HS ngày 09 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

ĐẶNG QUANG T (tên gọi khác: không); sinh ngày 04/10/1984;

Tại thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

Nơi đăng ký HKTT: tổ M, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng;

Chỗ ở hiện nay: tổ N, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Nghề nghiệp trước khi phạm tội: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12 phổ thông; dân tộc: tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể trước khi phạm tội: không;

Con ông: Đặng Văn S - sinh năm 1958; Con bà: Phan Thị H - sinh năm 1962; đều có HKTT: tổ M, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng;

Vợ, con: chưa có;

Anh, chị, em ruột: có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình;

Tiền án: có 04 tiền án:

- Ngày 20/02/2004 bị Tòa án nhân dân thị xã Cao Bằng (nay là thành phố Cao Bằng) xử phạt 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy;

- Ngày 26/5/2006 bị Tòa án nhân dân thị xã Cao Bằng (nay là thành phố Cao Bằng) xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy;

- Ngày 12/6/2006 bị Tòa án nhân dân thị xã Cao Bằng (nay là thành phố Cao Bằng) xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản;

- Ngày 07/3/2011 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội Tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả; 03 (ba) năm tù về tội Tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt là 07 (bảy) năm tù;

Tiền sự: không;

Nhân thân: ngày 16/8/2001 bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, thời hạn 24 tháng.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Cao Bằng từ ngày 05/4/2019 đến ngày 09/5/2019; áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh từ ngày 10/5/2019 đến 10/8/2019. Hiện bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi tạm trú tại tổ N, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; "Có mặt".

- *Người có quyền lợi liên quan:*

1. Lù Thị G - sinh ngày 04/10/1984.

Tạm trú: tổ N, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng;

"Vắng mặt, có lý do".

2. Nguyễn Trúc Q - sinh ngày 07/11/1995;

Nơi cư trú: 19N D, phường M, quận C, thành phố Hà Nội; "Vắng mặt, có lý do".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 45 phút ngày 05/4/2019, tại tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế - ma túy Công an thành phố Cao Bằng phối hợp với tổ công tác Công an phường Ngọc Xuân bắt quả tang Đặng Quang T (sinh ngày 04/10/1984; hộ khẩu thường trú: tổ M, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; chỗ ở: tổ N, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ: 01 (một) gói giấy vệ sinh bên trong có chứa 02 (hai) gói nhỏ giấy trắng có chữ, bên trong chứa Heroine; 01 (một) túi nilon đựng xi lanh kim tiêm bên trong chứa 02 (hai) gói nhỏ giấy có chữ chứa Heroine thu giữ ở dưới đất bên cạnh chỗ T đứng; 01 tờ tiền Việt Nam 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) thu giữ trong túi quần bên phải T đang mặc; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Vespa màu nâu, biển kiểm soát 29P1-386.75. Ngoài ra, còn thu giữ của Lù Thị G (sinh ngày 09/8/1992; hộ khẩu thường trú: B, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La; chỗ ở: tổ N, phường N, thành phố C) là người đi cùng T số tiền 17.970.000đ (mười bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng) trong túi xách của G.

Hồi 20 giờ 45 phút cùng ngày, cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đặng Quang T tại tổ N, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, vật chứng thu giữ: 02 (hai) gói nilon màu trắng, bên trong chứa chất bột màu trắng

dạng cục được đựng trong vỏ hộp thuốc có chữ TONKA, thu giữ trên thành cửa sổ trong phòng trọ của T; tiền Việt Nam 770.000đ (bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) thu giữ trong ví giả da màu nâu của T để trên giường; 01 (một) cân điện tử màu xám không có nhãn hiệu, một mặt có chữ Mini 2-200 thu giữ trên thành cửa sổ; 01 (một) điện thoại di động màu xanh, mặt trước và mặt sau có chữ Masstel, có số Imei 352121087188122 thu giữ trên giường trong phòng ngủ của T; 01 (một) ví giả da màu nâu để trên giường bên trong có 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Đặng Quang T, 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 039585 mang tên Nguyễn Trúc Q.

Vào hồi 14 giờ 15 phút ngày 24/12/2018 tại Công an thành phố Cao Bằng, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng và giám định viên PC09 Công an tỉnh Cao Bằng tiến hành cân xác định khối lượng tang vật thu giữ của Đặng Quang T, kết quả: 04 (bốn) gói nhỏ giấy trắng có chữ bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục lẫn bột (bắt quả tang) có khối lượng 0,12 gam (không phẩy mười hai gam); 02 (hai) gói nilon màu trắng bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục (khám xét) có khối lượng 46,93 gam (bốn sáu phẩy chín ba gam). Tổng khối lượng tang vật là 47,05 gam (bốn bảy phẩy không năm gam).

Ngày 25/4/2019 cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng ra Quyết định trưng cầu giám định số 88 đối với vật chứng vụ án. Tại bản Kết luận giám định số 128 ngày 04/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Cao Bằng, kết luận: *“Hai mẫu chất bột màu trắng gửi đến giám định đều là ma túy, loại: Heroine”*.

Quá trình điều tra, Đặng Quang T khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: do bản thân sử dụng ma túy nên sáng ngày 03/4/2019, Đặng Quang T gọi điện thoại cho một người đàn ông T quen từ trước có tên là K, khoảng 40 tuổi ở thành phố T (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) để hỏi mua Heroine với giá 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) về để sử dụng. K đồng ý, cả hai thống nhất hẹn gặp nhau tại tầng ba tòa nhà Tebeco thuộc phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Khoảng 09 giờ cùng ngày, T đi xe khách từ tỉnh Cao Bằng xuống phường Q, thành phố T, khi đi đến sân chung cư Tebeco thì K đã đợi T ở đó. Sau đó, cả hai đi vào thang máy của chung cư, khi lên đến tầng ba thì K lấy từ trong người ra 01 (một) gói Heroine được gói bằng nilông màu trắng đưa cho T, T nhận gói Heroine trên và đưa cho K số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Sau khi mua được ma túy, T đi xe khách về tỉnh Cao Bằng còn K đi đâu T không biết. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 04/4/2019, tại phòng trọ của T ở tổ N, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, T lấy gói Heroine mua được với K ra chia thành 02 (hai) gói Heroine gói bằng nilông màu trắng cho vào vỏ hộp thuốc tân dược rồi để ở thành cửa sổ trên đầu giường ngủ. Khoảng 15 giờ ngày 05/4/2019, T lấy 01 (một) gói Heroine ra chia bớt một phần thành 04 (bốn) gói nhỏ gói bằng giấy lịch trắng có chữ, 02 (hai) gói nhỏ gói trong mảnh giấy vệ sinh, 02 (hai) gói để trong vỏ của xi lanh kim tiêm, số Heroine còn lại T vẫn cất trong hộp thuốc để ở đầu giường. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Lù Thị G là

người yêu của T đến phòng trọ chơi. T đem theo 04 (bốn) gói Heroine vừa chia cầm trong tay rồi cùng G điều khiển xe mô tô nhãn hiệu PiaggioVespa màu ghi, biển kiểm soát 29P1-386.7N đi ra chợ để mua thức ăn. Khi cả hai đi đến khu vực tổ B, phường S, thành phố C thì bị Công an thành phố Cao Bằng phối hợp với tổ công tác Công an phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng nêu trên. Mục đích T mua số Heroine ngày 03/4/2019 là để sử dụng cho bản thân.

- Người có quyền lợi liên quan Lù Thị G trình bày: G và bị cáo T có mối quan hệ tình cảm nam nữ, sống với nhau như vợ chồng nhưng chưa đăng ký kết hôn. G có thuê phòng trọ ở tổ N, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng từ ngày 05/3/2019, T có đến đó ở cùng G, ngoài ra không có ai khác ở cùng. Khoảng 16 giờ ngày 05/4/2019 G và T đang ở phòng trọ (ở địa chỉ trên) thì G bảo T đưa G ra khu vực Bến xe khách thành phố C (bến xe cũ) để G mua đồ ăn (G và T đi bằng phương tiện xe mô tô). Khi G và T đi đến gần Điện lực Cao Bằng (phường S, thành phố) thì bị lực lượng công an yêu cầu dừng xe kiểm tra. Khi kiểm tra Công an không phát hiện và thu giữ gì của G nhưng Công an đã phát hiện và thu giữ 02 (hai) gói nhỏ bên trong có chứa ma túy ở dưới đất chỗ T đứng. Cơ quan công an đã tiến hành niêm phong tang vật và lập biên bản quả tang tại chỗ. Số ma túy mà cơ quan công an đã thu giữ khi bị bắt quả tang là của T, T là người đã thả số ma túy đó xuống đất. G không hề biết việc T mang ma túy theo người đến khi bị Công an yêu cầu dừng xe để kiểm tra thì G mới biết T mang theo ma túy. Khi cơ quan công an tiến hành khám xét phòng trọ của G, G không được chứng kiến chỉ có T là người chứng kiến. Số ma túy mà cơ quan công an khám xét phòng trọ của G thu được không phải của G mà là của T. G không biết việc T mang ma túy về cất giấu ở phòng trọ từ lúc nào và cũng không biết T mua số ma túy đó ở đâu, mua với ai. G chỉ biết sáng ngày 03/4/2019 tầm khoảng 08 giờ thì T có bảo với G là đi có việc, T không nói là đi đâu, làm gì đến rạng sáng ngày 04/4/2019 thì T quay trở về phòng trọ của G. Khi T bị bắt quả tang cơ quan Công an có tạm giữ của G số tài sản: 01 điện thoại màu trắng hồng nhãn hiệu Iphone S, 01 dây sạc, 01 sạc điện thoại dự phòng màu trắng, 01 tai nghe Bluetooth màu trắng, 01 dây kim loại màu vàng, 01 ví giả da màu nâu có chữ Lota và số tiền mặt 17.970.000đ (mười bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng). Về nguồn gốc số tiền là do bố mẹ cho G và do bản thân G kiếm được từ buôn bán hàng khô mà có. Số tiền đó T không hề biết, G để trong túi xách và thường xuyên mang theo người. Về số tiền và số đồ vật tài sản trên là của G không liên quan gì đến hành vi phạm tội của T. T thực hiện hành vi phạm tội G không biết. Cơ quan công an đã trao trả số tiền và đồ vật tài sản trên cho G, G đã nhận lại đủ số tài sản, không yêu cầu gì thêm.

- Người có quyền lợi liên quan Nguyễn Trúc Q trình bày: Q có quan hệ với T là anh em (T là con bá, Q là con dì ruột). Q không biết T có sử dụng ma túy hay không vì Q đi làm ăn xa (Hà Nội) đã lâu. Vào khoảng tháng 4/2019 Q có về Cao Bằng thăm gia đình, T có hỏi mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29P1-386.7N của Q để đi lại, do là anh em nên Q có cho T mượn xe và giấy đăng ký để đi lại cho thuận tiện. Ngoài việc cho T mượn xe mô tô ra Q không

được cho T mượn thêm tài sản gì khác nữa. Còn việc T sau khi mượn xe của Q đi cùng ai, làm gì Q không biết, mãi về sau Q mới biết T bị công an bắt vì có liên quan đến ma túy và có tạm giữ cả chiếc xe máy của Q cho T mượn. Về nguồn gốc chiếc xe mô tô trên là của Q, giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Trúc Q; địa chỉ: tổ N, M, C, Hà Nội. Việc T sử dụng chiếc xe làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội Q không biết. Cơ quan công an đã trao trả 01 xe mô tô biển kiểm soát 29P1-386.7N và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe cho Q, Q đã nhận lại tài sản (xe máy) không yêu cầu gì thêm.

Hành vi của Đặng Quang T đã bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy tố trước pháp luật về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại bản Cáo trạng số 73/CT-VKSTP ngày 24/7/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Đặng Quang T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của Đặng Quang T đủ yếu tố cấu thành tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Đặng Quang T mua ma túy về mục đích để sử dụng cho bản thân.

Tại phiên tòa Đặng Quang T khai nhận về hành vi phạm tội của mình: khoảng 16 giờ ngày 05/4/2019 T đem theo 04 (bốn) gói Heroine cùng với G (là bạn gái) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu PiaggioVespa biển kiểm soát 29P1-386.7N đi từ nơi ở trọ tổ N, phường N, thành phố C ra chợ để mua thức ăn. Khi cả hai đi đến khu vực tổ B, phường S, thành phố C thì bị Công an yêu cầu kiểm tra phát hiện bắt quả tang thu giữ 04 (bốn) gói Heroine có khối lượng là 0,12g. Cùng ngày cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của T tại tổ N, phường N, thành phố C thu giữ 02 (hai) gói nilon màu trắng, bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục có khối lượng 46,93g và một số tài sản khác. Nguồn gốc của số ma túy trên T mua với một người đàn ông T quen từ trước có tên là K, khoảng 40 tuổi ở thành phố T (không rõ họ, địa chỉ) với giá 15.000.000đ vào ngày 03/4/2019. Đây là lần đầu tiên T mua Heroine với K. T mua số Heroine ngày 03/4/2019 về mục đích là để sử dụng cho bản thân, không có mục đích nào khác.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đặng Quang T nhất trí với khối lượng ma túy (heroine) bị thu giữ và nội dung bản kết luận giám định số 128/GĐMT ngày 04/5/2019 và không có ý kiến hay khiếu nại về kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng.

Lời khai của người có quyền lợi liên quan tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa. Tại phiên tòa người có quyền lợi liên quan Lù Thị G vắng mặt có lý do, có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, chị G đã có lời khai tại cơ quan điều tra và toàn bộ tài sản bị tạm giữ chị đã nhận lại tại cơ quan công an. Việc chị G vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt; về trách nhiệm dân sự chị G không có ý kiến gì, Hội đồng xét xử không xem xét về bồi thường.

Tại phiên tòa người có quyền lợi liên quan Nguyễn Trúc Q vắng mặt có lý do. Xét thấy, chị Q đã có lời khai tại cơ quan điều tra và tài sản là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29P1-386.7N (nhãn hiệu PIAGGIO) chị Q đã nhận lại tại cơ quan công an. Việc chị Q vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Q; về trách nhiệm dân sự chị Q không có yêu cầu gì thêm, Hội đồng xét xử không xem xét về bồi thường.

Vật chứng bị thu giữ: 01 (một) phong bì niêm phong tang vật cân khám xét vụ Đặng Quang T, sinh năm 1984; HKTT: tổ M, phường H, thành phố C (vật chứng của vụ án); số tiền 770.000đ thu giữ khi khám xét phòng trọ của bị cáo; số tiền 200.000đ thu giữ trong người bị cáo khi bắt quả tang; 01 chứng minh thư nhân dân mang tên T; 01 (một) điện thoại di động màu xanh nhãn hiệu Masstel; 01 (một) điện thoại di động màu đồng nhãn hiệu Vivo; 01 ví giả da màu nâu là tài sản của bị cáo thu giữ khi khám xét chỗ ở; 01 (một) điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Nokia (bị cáo sử dụng để liên lạc mua ma túy với K); 01 cân điện tử thu giữ khi khám xét chỗ ở là vật chứng của vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đặng Quang T về tội danh, điều luật như đã nêu trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm b khoản 3 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 “Tái phạm nguy hiểm” Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: bị cáo Đặng Quang T phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Về mức hình phạt: đề nghị xử phạt bị cáo Đặng Quang T với mức án từ 11 đến 12 năm tù.

Bị cáo không có nghề nghiệp, là người nghiện ma túy nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, xử lý vật chứng:

Xử tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong ghi tang vật cân khám xét vụ Đặng Quang T;

Xử trả lại cho bị cáo số tiền 770.000đ + số tiền 200.000đ; 01 chứng minh thư nhân dân mang tên T; 01 (một) điện thoại di động màu xanh nhãn hiệu Masstel; 01 (một) điện thoại di động màu đồng nhãn hiệu Vivo; 01 ví giả da màu nâu; 01 (một) cân điện tử.

Xử tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Nokia.

- Về án phí: theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội... Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

Tại phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng.

Khi được nói lời sau cùng bị cáo biết hành vi bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội trở về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Đặng Quang T đã thừa nhận về hành vi phạm tội của mình và khai: do bản thân sử dụng ma túy nên sáng ngày 03/4/2019 T gọi điện thoại cho một người đàn ông mà T quen từ trước có tên là K khoảng 40 tuổi (không rõ họ, địa chỉ) ở thành phố T hỏi mua Heroine với số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). K đồng ý, cả hai thống nhất hẹn gặp nhau tại tầng ba tòa nhà Tebeco thuộc phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, T đi xe khách từ thành phố Cao Bằng xuống phường Q, thành phố T, khi T đi đến chung cư Tebeco thì K đã đợi ở đó, cả hai cùng đi vào thang máy của chung cư, khi lên đến tầng ba thì K lấy từ trong người ra 01 (một) gói Heroine được gói bằng ni lông màu trắng đưa cho T, T nhận gói Heroine trên và đưa cho K số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Sau khi mua được ma túy, T đi xe khách về Cao Bằng, còn K đi đâu T không biết. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 04/4/2019 tại phòng trọ của T ở tổ N, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, T lấy gói Heroine mua được với K ra chia thành 02 (hai) gói cho vào vỏ hộp thuốc tân dược để ở thành cửa sổ trên đầu giường ngủ. Khoảng 15 giờ ngày 05/4/2019, T lấy 01 (một) gói Heroine ra bớt một phần chia thành 04 (bốn) gói nhỏ, 02 (hai) gói nhỏ gói trong mảnh giấy vệ sinh và 02 (hai) gói để trong vỏ xi lanh kim tiêm, số Heroine còn lại T vẫn cất trong hộp thuốc để ở đầu giường. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Lù Thị G là người yêu của T đến phòng trọ chơi. T đem theo 04 (bốn) gói Heroine vừa chia ra rồi cùng G điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Vespa màu ghi, biển kiểm soát 29P1-386.7N đi ra chợ để mua thức ăn. Khi cả hai đi đến khu vực tổ B, phường S, thành phố C thì bị cơ quan công an bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng. Mục đích T mua số Heroine ngày 03/4/2019 là để sử dụng cho bản thân, không có mục đích nào khác.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định: Hồi 16 giờ 45 phút ngày 05/4/2019, tại khu vực tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế - ma túy Công an thành phố Cao Bằng phối hợp với tổ công tác Công an phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng bắt quả tang Đặng Quang T có hành vi tàng trữ trái phép 0,12g (không phải một hai gam) Heroine. Cùng ngày, tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đặng Quang T tại tổ N, phường N, thành phố C thu giữ 46,93g

(bốn sáu phẩy chín ba gam) Heroine. Tổng khối lượng Heroine thu giữ là 47,05g (bốn bảy phẩy không năm gam). Toàn bộ số Heroine nói trên, T mua về nhằm mục đích để sử dụng cho bản thân.

Hành vi của Đặng Quang T đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước ta về chất ma túy. Bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự. Là người đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi, là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình gây ra.

Mục đích của bị cáo là mua số Hêrôin đó về để sử dụng cho bản thân, không có mục đích khác, không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển hay sản xuất trái phép chất ma túy. Bị cáo nhận thức được hành vi bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Trong vụ án này Hội đồng xét xử xác định bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Như vậy, hành vi của bị cáo Đặng Quang T đã đủ các yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy:

.....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:

a) ...

b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;

c) ...”

Bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi. Bị cáo nhận thức rõ ma túy là hàng quốc cấm, pháp luật nghiêm cấm các hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy... đồng thời hiểu biết được sự nguy hiểm và tác hại của chất ma túy nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Khối lượng ma túy bị cáo tàng trữ là 47,05g Heroine. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã truy tố Đặng Quang T về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: hành vi phạm tội của bị cáo Đặng Quang T là trái pháp luật, là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó không chỉ xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy mà còn gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, đồng thời còn làm gia tăng tình hình tội phạm trên địa bàn thành phố Cao Bằng. Bị cáo nhận thức rõ hành vi tàng trữ ma túy là vi phạm pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng do nhu cầu sử dụng của bản thân bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng. Vì vậy việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là đúng và cần thiết. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh

trước pháp luật có như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân của bị cáo: bị cáo Đặng Quang T là người có năng lực nhận thức, năng lực hành vi nhưng do không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân, bị cáo đã sử dụng ma túy và có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Bản thân đã nhiều lần bị kết án về tội mua bán trái phép chất ma túy, tội tàng trữ trái phép chất ma túy: ngày 20/02/2004 bị Tòa án nhân dân thị xã Cao Bằng (nay là thành phố Cao Bằng) xử phạt 24 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 26/5/2006 bị Tòa án nhân dân thị xã Cao Bằng (nay là thành phố Cao Bằng) xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 12/6/2006 bị Tòa án nhân dân thị xã Cao Bằng (nay là thành phố Cao Bằng) xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 07/3/2011 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội Tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả; 03 (ba) năm tù về tội Tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt là 07 (bảy) năm tù (chưa được xóa án tích). Ngày 16/8/2001 bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, thời hạn 24 tháng. Xét nhân thân bị cáo là xấu, là đối tượng nghiện ma túy. Mặc dù đã được cải tạo, giáo dục nhiều lần nhưng khi về địa phương không lấy đó làm bài học cho mình, vẫn coi thường pháp luật, tiếp tục đi vào con đường phạm tội. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo và thừa nhận về hành vi mình đã thực hiện (mục đích mua Hêrôin về để sử dụng, không có mục đích nào khác). Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "thành khẩn khai báo" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 nên cần áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ này.

Nhưng bị cáo có 01 tiền án: ngày 07/3/2011 Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội Tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả; 03 (ba) năm tù về tội Tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt là 07 (bảy) năm tù. Tại bản án này bị cáo đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm chưa được xóa án tích. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 Bộ luật hình sự năm 2015 đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm nguy hiểm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015".

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "thành khẩn khai báo" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm nguy hiểm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Đặng Quang T với mức án từ 11 đến 12 năm tù. Hội đồng xét xử xét thấy mức đề nghị hình phạt của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng đối với

bị cáo T là phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên cần chấp nhận.

[6] Về hình phạt chính: căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, căn cứ tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi bị cáo đã thực hiện. Cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản". Vì vậy, ngoài hình phạt chính theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo là đối tượng nghiện ma túy không có tài sản, không có nghề nghiệp, bản thân hiện đang mắc HIV-AIDS. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đặng Quang T.

[8] Trong vụ án này, về nguồn gốc số Heroine, bị cáo khai được mua với một người đàn ông tên là K, khoảng 40 tuổi ở thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, không biết họ tên, địa chỉ cụ thể, việc trao đổi mua bán ma túy giữa T và K không có ai biết và chứng kiến. Do vậy, cơ quan cảnh sát điều tra đang tiếp tục xác minh nếu có căn cứ sẽ xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với Lù Thị G, do không biết việc T có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý theo pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

+ Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29 P1 - 386.7N, nhãn hiệu PIAGGIO, màu sơn ghi, có số khung 2111EV003768, số máy M827M5005170. Qua xác minh là của chị Nguyễn Trúc Q (em con dì của bị cáo), Q cho bị cáo T mượn xe và cả giấy đăng ký xe vào tháng 4/2019 để T làm phương tiện đi lại. Giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Trúc Q; địa chỉ: tổ N, M, C, Hà Nội. Việc T sử dụng chiếc xe làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội Q không biết. Do đó, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã trả lại chiếc xe máy trên và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho chị Nguyễn Trúc Q, sinh năm 1995, hộ khẩu thường trú: 19C, D, phường M, C, thành phố Hà Nội theo biên bản trả lại tài sản ngày 16/5/2019. Xét thấy, việc trả lại tài sản cho Nguyễn Trúc Q của cơ quan Công an là đúng theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tại phiên tòa chị Q vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, đã nhận lại tài sản là xe mô tô. Chị Q không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét về bồi thường.

+ Đối với số tiền 17.970.000 (mười bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động màu trắng hồng nhãn hiệu Iphones; 01 (một) dây sạc, 01 (một) sạc điện thoại dự phòng màu trắng, 01 tai nghe Bluetooth màu trắng, 01 dây kim loại màu vàng, 01 ví giả da màu nâu. Qua xác minh là của chị

Lù Thị G (bạn gái của bị cáo). Số tiền là do bố mẹ đẻ cho và do G kiếm được từ việc buôn bán hàng khô. Số tài sản trên là của G, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo T. T thực hiện hành vi phạm tội G không biết. Do đó, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã trả lại toàn bộ số tài sản trên cho chị Lù Thị G, sinh năm 1992; hộ khẩu thường trú: B, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La; tạm trú: tổ N, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng theo biên bản trả lại tài sản ngày 16/5/2019. Tại phiên tòa chị G vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, đã nhận lại đầy đủ số tài sản trên, chị G không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về bồi thường.

[10] Về vật chứng, xử lý vật chứng: vật chứng của vụ án hiện đang tạm giữ tại kho tang vật của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 04 tháng 5 năm 2019 gồm:

- 01 (một) phong bì niêm phong ghi tang vật cần khám xét vụ Đặng Quang T; 01 (một) cân điện tử là vật chứng của vụ án (vật cầm tàng trữ, lưu hành; vật chứng không có giá trị). Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, cần xử tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 770.000đ (bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) và 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) là tiền của bị cáo do đi làm thuê mà có, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần hoàn trả lại cho bị cáo nhưng cần tạm giữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

- 01 chứng minh thư nhân dân mang tên T; 01 (một) điện thoại di động màu xanh nhãn hiệu Masstel; 01 (một) điện thoại di động màu đồng nhãn hiệu Vivo; 01 ví giả da màu nâu, là giấy tờ tùy thân và là tài sản của bị cáo, bị cáo không sử dụng 02 điện thoại trên cho việc giao dịch mua ma túy, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

- 01 (một) điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Nokia (bị cáo sử dụng để liên lạc trao đổi mua ma túy với K), liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, cần xử tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước.

[11] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: bị cáo và người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 "Tái phạm nguy hiểm", Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

1. Tuyên bố: bị cáo Đặng Quang T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Xử phạt: bị cáo Đặng Quang T 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình. Được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/4/2019 đến ngày 09/5/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Người có quyền lợi liên quan đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét về bồi thường.

4. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Xử tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì niêm phong ghi tang vật cân khám xét vụ Đặng Quang T, sinh năm 1984; HKTT: tổ M, phường H, thành phố C; chỗ ở: tổ N, phường N, thành phố C. Tàng trữ trái phép chất ma túy.

+ 01 (một) cân điện tử.

- Xử trả lại cho bị cáo Đặng Quang T số tài sản sau:

+ 770.000đ (bảy trăm bảy mươi ngàn đồng) trong phong bì niêm phong ghi vụ Đặng Quang T, sinh năm 1984;

+ 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) trong phong bì niêm phong ghi vụ Đặng Quang T, sinh năm 1984.

Nhưng cần tạm giữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

+ 01 (một) chứng minh thư nhân dân trong phong bì niêm phong ghi vụ Đặng Quang T, sinh năm 1984;

+ 01 (một) điện thoại di động màu xanh nhãn hiệu Masstel trong phong bì niêm phong ghi vụ Đặng Quang T, sinh năm 1984;

+ 01 (một) điện thoại di động màu đồng nhãn hiệu Vivo trong phong bì niêm phong ghi vụ Đặng Quang T, sinh năm 1984;

+ 01 ví giả da màu nâu.

- Xử tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động màu đen nhãn hiệu NOKIA trong phong bì niêm phong ghi vụ Đặng Quang T, sinh năm 1984;

Xác nhận số vật chứng đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng theo biên bản bàn giao vật chứng, tài sản ngày 04/5/2019.

5. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử:

Bị cáo Đặng Quang T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: áp dụng Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi liên quan vắng mặt tại phiên tòa (có lý do) có quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Người có QLLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thúy Hằng